

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22-10-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Xuân Trúc
2. Bà Trương Thị Dung

- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Ngày 22/10/2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 205/2019/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Xóm 6, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định;

Bị đơn: Anh Phạm Văn Th, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Quan Thiều, xã Y, huyện T, tỉnh Nam Định;

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị T, anh Th (chị T xin vắng mặt, anh Th vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Trên cơ sở kết hôn hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, chị kết hôn với anh Phạm Văn Th vào ngày 20/01/2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa chị và anh Th thường xuyên bất đồng quan điểm, hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ

tháng 9/2016 sống và hiện nay anh chị đang sống ly thân nhau, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn Th.

Về con chung: Chị và anh Th có hai con chung là Phạm Thanh Tg, sinh ngày 26/9/2011 và Phạm Thanh Phong, sinh ngày 10/11/2013. Chị T có quan điểm sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng một con chung, cháu nào cũng được. Chị không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng sau đó chị T có quan điểm đồng ý giao cả hai con chung cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung, chị đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bản tự khai đề ngày 01/10/2019, bị đơn anh Phạm Văn Th trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn phù hợp với lời khai của chị T. Anh Th xác định sau kết hôn vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sau khi 2 con cứng cáp thì chị T có xin đi làm ở khu công nghiệp Bảo Minh và có nảy sinh tình cảm với người khác, anh và gia đình đã khuyên can nhiều lần nhưng chị T vẫn không thay đổi. Sau đó anh có bỏ vào Nam đi làm một năm, chị T ở nhà lại quen một người nữa là Trần Thanh M quê Duy Tiên, Hà Nam và hiện nay có con riêng với người này tên là Gia Hân. Cuối năm 2016 đầu 2017 chị T có về nhà anh ở một tuần nhưng sự việc càng nên căng thẳng, giữa anh và chị T có xảy ra xô xát, chị T bỏ về nhà mẹ đẻ sống, anh và chị T sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị T có đơn ly hôn, anh xác định tình cảm giữa anh và chị T vẫn còn, anh cần thời gian để suy nghĩ thêm nên anh chưa đồng ý ly hôn với chị Bùi Thị T.

Về con chung: Anh và chị T có hai con chung là Phạm Thanh Tg, sinh ngày 26/9/2011 và Phạm Thanh Phong, sinh ngày 10/11/2013. Sau ly hôn anh có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Trong đơn đề nghị gửi Toà án ngày 30/9/2019 của cháu Phạm Thanh Tg, sinh ngày 26/9/2011 trình bày cháu là con của bố Phạm Văn Th và mẹ Bùi Thị T, nguyện vọng của cháu Tg muốn được ở cùng với bố là anh Th và đề nghị Toà án cho cháu được ở cùng với anh Th theo nguyện vọng của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh chị nhưng giữa chị T và anh

Th không thống nhất được tất cả các vấn đề cần giải quyết của vụ án nên Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Chị T có đề nghị xin giải quyết vắng mặt. Anh Th mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền của Toà án: Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” do nguyên đơn chị Bùi Thị T thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn anh Phạm Văn Th có nơi cư trú tại thôn Quan Thiều, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T có đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh Th mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn Th tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 20/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Yên Minh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm, hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, khiến cuộc sống luôn căng thẳng, áp lực. Hai bên không có sự hoà hợp và hiện nay đang sống ly thân. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh Th. Về phía anh Th, anh cũng xác định cuộc sống vợ chồng có những mâu thuẫn, bất đồng nguyên nhân là do chị T có quan hệ tình cảm với người khác nên tình cảm giữa anh và chị T ngày càng nặng nề và căng thẳng. Tuy nhiên anh Th xác định tình cảm giữa anh và chị T vẫn còn, anh cần thời gian để suy nghĩ thêm nên anh chưa đồng ý ly hôn với chị Bùi Thị T. Xét thấy trên thực tế

chị T, anh Th đã sống ly thân nhau, hôn nhân giữa anh chị đã chấm dứt từ năm 2017 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T kiên quyết xin ly hôn nên Toà án không thể hoà giải, gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Anh Th mặc dù không muốn ly hôn nhưng anh cũng không có biện pháp gì để níu kéo cũng như hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy chị T, anh Th đã sống ly thân một thời gian dài, đời sống chung không có, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn của chị T, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh Th xác định anh, chị có hai con chung là Phạm Thanh Tg, sinh ngày 26/9/2011 và Phạm Thanh Phong, sinh ngày 10/11/2013. Anh Th, chị T có quan điểm thống nhất giao cả hai con chung cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh, chị T cũng nhất trí việc này. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị T, anh Th không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn Th.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung là Phạm Thanh Tg, sinh ngày 26/9/2011 và Phạm Thanh Phong, sinh ngày 10/11/2013 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Th không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị T, anh Th không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp là 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ với số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001243, ngày 19/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn Th được quyền kháng cáo trong hạn 15, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Ý Yên;
- Chi cục THSDS huyện Ý Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Văn Anh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Anh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Anh